

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /SNN&MT-CCPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Kế hoạch hành động
bảo đảm chất lượng, ATTP, gia tăng chế biến
và phát triển thị trường nông lâm thủy sản
trên địa bàn tỉnh năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Các Sở, ngành: Y tế, Công Thương, Cục Hải quan tỉnh, Công an tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ngày 10/3/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND về Hành động bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2025; trong đó tại mục 1, phần V, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường “*Tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện Kế hoạch;...tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định*” (có kế hoạch gửi kèm).

Để triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm xác định trong Kế hoạch đạt mục tiêu đề ra, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung như sau:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các sở, ngành liên quan

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành của tỉnh theo nhiệm vụ phân công tại mục 5, phần IV, Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh chủ động tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phối hợp tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021- 2025 (Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh) thuộc nhiệm vụ phân công; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (theo mẫu tại Phụ lục I gửi kèm).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Theo nội dung nhiệm vụ UBND tỉnh chỉ đạo tại mục 6, phần IV, Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh và văn bản liên quan, tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng, phê duyệt, triển khai Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản năm 2025 trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Kịp thời chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo phân công quản lý¹.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn cho chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm về các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) làm thay đổi hành vi trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, sử dụng thực phẩm đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; 100% cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về ATTP. Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến, hướng dẫn triển khai Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tăng cường hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về ATTP. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc công tác quản lý nhà nước về ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp đã được phân cấp cho các phòng và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Chỉ đạo phòng chuyên môn các địa phương rà soát, thống kê danh sách; xây dựng, trình UBND cấp huyện ban hành kế hoạch thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra ATTP, giám sát, hậu kiểm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp quản lý ATTP² và bố trí kinh phí thực hiện, đảm bảo kiểm tra, thẩm định, chứng nhận ATTP 100% cơ sở; Ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn và kiểm tra việc thực hiện cam kết 100% số cơ sở; 100% các sản phẩm OCOP đảm bảo chất lượng, ATTP.

- Hỗ trợ phát triển tăng nhanh diện tích trồng trọt, diện tích nuôi thủy sản, số cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm trên địa bàn³; các địa phương chưa xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm cần tập trung rà soát, lựa chọn, đề xuất vị trí địa điểm dự kiến xây dựng cơ sở giết mổ tập trung; ban hành kế hoạch, xác định lộ trình xây dựng cơ sở giết mổ tập trung của địa phương; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin, cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy định. Tại các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung cần tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát chặt chẽ việc đưa gia súc, gia cầm về giết mổ.

¹ Văn bản số 3114/UBND-KTTC ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

² Theo Khoản 4, Điều 16, Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Điều 1, Điều 3, Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh

³ Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Số 1632/UBND-KTTC ngày 23/06/2023 về tăng cường công tác quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh; Số 226/UBND-NLN3 ngày 10/02/2023 về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, bảo quản, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản trên địa bàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của địa phương, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản trên địa bàn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức, xây dựng các kênh liên kết tiêu thụ các mặt hàng nông sản chủ lực phù hợp với quy hoạch sản xuất nông sản của từng vùng thuộc địa bàn cấp huyện.

- Đẩy mạnh việc liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với các cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tạo động lực phát triển nông nghiệp của tỉnh theo Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển chuỗi các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh⁴. Chủ động cân đối nguồn lực của địa phương và huy động nguồn lực hợp pháp khác để tổ chức triển khai các chuỗi sản phẩm nông sản chủ lực tại địa phương đảm bảo đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

- Xây dựng các mô hình tuyên truyền, giám sát cộng đồng về ATTP tại các xã nông thôn mới (mỗi địa phương ít nhất 01 mô hình), để phổ biến, nhân rộng.

- Tiếp tục duy trì, khai thác, sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh; cập nhật, bổ sung thông tin và cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản tham gia hệ thống⁵. Đẩy mạnh công tác quản lý về nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng phương án sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn. Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, tổ chức truyền thông quảng bá, kết nối và xúc tiến thương mại sản phẩm trong và ngoài nước.

- Đầu tư nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cảng cá, khu giết mổ, sơ chế, chợ đầu mối/đầu giá, chợ dân sinh tại một số vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm hoặc đô thị tiêu thụ khối lượng lớn nông lâm thủy sản.

- Hỗ trợ chuyển giao, tập huấn ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt ưu tiên các tiến bộ kỹ thuật liên quan đến nâng cao chất lượng giống, áp dụng các công nghệ sản xuất “xanh, sạch” theo hướng nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn).

⁴ Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

⁵ Theo Kế hoạch số 979/KH-SNN&PTNT-QLCL ngày 26/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025.

- Bố trí đủ kinh phí cho công tác đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, liên kết chuỗi, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản tại địa phương theo quy định.

- Rà soát, kiện toàn bộ trí và ổn định cán bộ, công chức, viên chức được giao quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản đảm bảo đủ nguồn lực triển khai nhiệm vụ tại địa phương (cấp huyện, xã); cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch (theo mẫu tại Phụ lục II, III gửi kèm).

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Theo các nhiệm vụ trọng tâm UBND tỉnh chỉ đạo tại Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/3/2025 và Quyết định số 1276/QĐ-SNN&PTNT ngày 14/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phối hợp trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động triển khai thực hiện.

- Xây dựng, trình ban hành kế hoạch thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi phân công quản lý và tổ chức thực hiện đảm bảo 100% số cơ sở được hậu kiểm, thẩm định chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT; ký bản cam kết và kiểm tra việc thực hiện cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT đạt 100% số cơ sở. Tăng cường hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra về chất lượng VTNN, ATTP nông lâm thủy sản, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. Bố trí ổn định cán bộ làm công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản của đơn vị.

- Khẩn trương triển khai các Văn bản của Sở Nông nghiệp và PTNT: Số 352/TB-SNN&PTNT ngày 17/01/2025 về Ý kiến kết luận của đồng chí Ngô Tất Thắng - Phó giám đốc Sở tại cuộc họp Nghe tiến độ xây dựng, triển khai dự án chuỗi các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh trong năm 2025; Số 927/SNN&PTNT-KH-TC ngày 25/02/2025 về việc đề xuất dự án chuỗi của Chi cục Thủy sản đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Theo nội dung, nhiệm vụ xác định tại Kế hoạch số 979/KH-SNN&PTNT-QLCL ngày 26/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025, bố trí nguồn lực thực hiện đạt mục tiêu, hiệu quả. Thực hiện quản lý về nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch (theo mẫu tại Phụ lục II, III kèm theo).

4. Thời hạn, hình thức báo cáo

- Thời hạn báo cáo: Ủy ban nhân dân các địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch và báo cáo phục vụ kỳ họp thường lệ của UBND tỉnh **hàng tháng trước ngày 15, báo cáo 6 tháng trước ngày 05/6 và báo cáo tổng kết năm trước ngày 05/12**. Biểu mẫu báo cáo được đăng tải trên Website của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <http://www.quangninh.gov.vn/So/sonongnghiepptnt/>.

- Hình thức báo cáo: Báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, kịp thời tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đúng thời hạn quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Sở: GD, PGD phụ trách;
- Thanh tra sở;
- Văn phòng sở (để đăng tải);
- Các Chi cục: Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư; Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Kiểm lâm; Thủy lợi; Chất lượng, Chế biến và PTTN (để th/hiện);
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố (để th/hiện);
- Lưu: VT, CCPT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Duy Văn

Phụ lục I**MẪU BÁO CÁO**

Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /SNN&PTNT-CCPT ngày /3/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ninh)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2025

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC**1. Công tác chỉ đạo các nội dung có liên quan**

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện.
- Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật (số lượng, nội dung,..).
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật (số lượng, nội dung, hình thức...)

2. Công tác tổ chức thực hiện theo các nội dung được phân công theo Kế hoạch**3. Các công tác khác:****4. Đánh giá**

- Ưu điểm:.....
- Tồn tại, hạn chế:.....

II. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM THÁNG/QUÝ/6 THÁNG CUỐI NĂM**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****Nơi nhận:**

- Chi cục Chất lượng, Chế biến và PTTT (để tổng hợp);
-
- Lưu VT.- Lưu VT....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

Cập nhật thông tin về tổ chức bộ máy, phân công/ phân cấp triển khai nhiệm vụ quản lý chất lượng VTNN, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường

3.2. Về nhân sự, đào tạo

Cập nhật thông tin về số lượng nhân sự; kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ địa phương

3.3. Về năng lực đánh giá sự phù hợp (kiểm nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận)

- *Cập nhật năng lực của các tổ chức thuộc Sở (trang thiết bị, nhân lực cung ứng dịch vụ đánh giá sự phù hợp được đăng ký và được chỉ định, công nhận...);*

- *Cập nhật năng lực các tổ chức xã hội hóa (trang thiết bị, nhân lực cung ứng dịch vụ đánh giá sự phù hợp được đăng ký và được chỉ định, công nhận...).*

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG/6 THÁNG/NĂM...

1. Xây dựng và chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

3. Tăng cường nguồn lực

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Chi cục Chất lượng, Chế biến và PTTT (để t/hợp);
-
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

BIỂU SỐ LIỆU TRONG BÁO CÁO HÀNG THÁNG/6 THÁNG/TỔNG KẾT NĂM
Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh tháng...../6 tháng/năm...

*(Kèm theo Công văn số: /SNN&PTNT-CCPT ngày /3/2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ninh)*

Biểu số 1

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Danh mục văn bản chính sách, pháp luật và chỉ đạo điều hành quản lý chất lượng VTNN, ATTP, chế biến, PTTT nông lâm thủy sản được ban hành (tháng.../6 tháng.../năm...)

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành
1			
2			
3			
...			

Biểu số 2

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Kết quả phổ biến giáo dục pháp luật; thông tin truyền thông về chất lượng VTNN, ATTP, chế biến nông lâm thủy sản và truyền thông phát triển thị trường (tháng.../6 tháng.../năm...)

STT	Tên hoạt động / Sản phẩm truyền thông (*)	Cụ thể		
		Số lượng/buổi	Số người tham dự	Đối tượng (người tiêu dùng/sản xuất/người dân/cán bộ...)/phạm vi bao phủ
I	Phổ biến giáo dục pháp luật			
1	Hội nghị phổ biến văn bản QPPL			
2	Hội thảo/tọa đàm...			
				
	Tổng			
II	Thông tin, truyền thông về chất lượng VTNN, ATTP			
1	Phóng sự trên đài phát thanh, truyền hình, loa đài phường xã			
2	Tin, bài trên báo viết/ website			
3	Băng rôn, khẩu hiệu, áp phích			
4	Sổ tay, tài liệu			
5	xe truyền thông lưu động			
6	Hình thức khác ...			

III	Truyền thông phát triển thị trường			
1	Hội chợ, triển lãm			
2	Hội nghị, hội thảo kết nối giao thương, cung cầu			
3	Hình thức khác (ghi rõ)			
	...			

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn, dấu "," phân tách phần thập phân

Biểu số 3

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Kết quả sản xuất nông lâm thủy sản an toàn được chứng nhận và nông nghiệp hữu cơ (cập nhật đến thời điểm báo cáo)

STT	Tiêu chí	Diện tích (triệu ha)	Số cơ sở hoặc vùng	Sản lượng (tấn/năm)	Năng suất (tấn/ha)	Ghi chú
A	Về trồng trọt					
1	Trồng trọt chung cả tỉnh/TP					
2	Một số sản phẩm chủ lực của tỉnh/TP:					
2.1	Gạo					
2.2	Chè					
2.3	Cà phê					
2.4	Rau, quả (sầu riêng/thanh long/ xoài...)					
...	...					
3	Trồng trọt áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP và tương đương)					
4	Trồng trọt được cấp giấy chứng nhận VietGAP và các chứng nhận khác tương đương					
5	Vùng trồng được cấp mã số (theo phân cấp cho địa phương)					
6	Cơ sở đóng gói được cấp mã số (theo phân cấp cho địa phương)					
II	Về chăn nuôi					
1	Tổng trang trại cả tỉnh/TP					
2	Trang trại chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP và tương đương)					
3	Trang trại chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận VietGAHP và các chứng nhận khác tương đương					
4	Tổng hộ chăn nuôi cả tỉnh/thành phố					
5	Hộ chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP và tương đương)					
6	Hộ chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận VietGAHP và các chứng nhận khác tương đương					
7	Một số sản phẩm chủ lực của tỉnh/TP:					
7.1	Trâu bò					
7.2	Lợn					
...						
III	Về thủy sản					

1	Nuôi trồng chung cả tỉnh/thành phố					
2	Nuôi trồng áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP và tương đương)					
3	Nuôi trồng được cấp giấy chứng nhận VietGAP và các chứng nhận khác tương đương					
4	Một số sản phẩm chủ lực của tỉnh/TP:					
4.1	Cá tra					
4.2	Tôm					
...						
III	Nông nghiệp hữu cơ					
1	Cơ sở được chứng nhận hữu cơ					
2	Sản phẩm nông sản được chứng nhận hữu cơ:					
	- Rau, quả ...					
	- ...					

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn, dấu "," phân tách phần thập phân

Biểu số 4

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn lũy kế đến tháng.../6 tháng đầu năm.../năm

TT	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu	Tên, địa chỉ cơ sở xử lý sau thu hoạch (sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển...)	Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm (Bán buôn, bán lẻ...)	Loại sản phẩm	Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn (ngày/tháng/năm)
1.					
2.					
...					

Biểu số 5

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

Kết quả giám sát ATTP nông lâm thủy sản (tháng.../6 tháng đầu năm.../năm...)

I. Sản phẩm nguồn gốc thực vật

TT	Loại mẫu	Chỉ tiêu vi sinh				Chỉ tiêu thuốc bảo vệ thực vật				Chỉ tiêu hóa chất, chất bảo quản				Ghi chú
		Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			
			Số lượng	Tên vi sinh vật	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện	
I	Thực vật tươi sống (rau, củ, quả, hạt,...)													
1	Rau muống													
...														
II	Thực vật đã qua chế biến (ớt bột, dưa muối, chè, cà phê,...)													
1	Ớt bột													
...														
	Tổng số													

II. Sản phẩm nguồn gốc động vật

TT	Loại mẫu	Chỉ tiêu vi sinh	Chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh	Chỉ tiêu chất cấm, chất tạo nạc	
----	----------	------------------	-------------------------------	---------------------------------	--

		Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			Tổng số mẫu phân tích	Số mẫu không đạt			Ghi chú
			Số lượng	Tên vi sinh vật	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện	
1	Thịt gà													
2	Thịt lợn													
3	Thịt trâu, bò													
...														
	Tổng số													
III. Sản phẩm thủy sản														
TT	Loại mẫu	Tổng số mẫu phân tích	Chỉ tiêu vi sinh			Tổng số mẫu phân tích	Chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh			Tổng số mẫu phân tích	Chỉ tiêu kim loại nặng			Ghi chú
			Số mẫu không đạt				Số mẫu không đạt				Số mẫu không đạt			
			Số lượng	Tên vi sinh vật	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện		Số lượng	Tên hoạt chất vi phạm	Mức phát hiện	
I	Thủy sản nuôi													
1	Tôm													
2	Cá tra													
...														
II	Thủy sản khai thác tươi sống													
1	Tôm													
2	Mực													
3	Bạch tuộc													
...														
III	Thủy sản chế biến													
1	Tôm													
2	Cá tra													
...														
	Tổng số													

{(Với các mẫu KHÔNG ĐẠT, đề nghị ghi rõ căn cứ xác định (Thông tư, quy định, quy chuẩn,...) vào Cột "Ghi chú")}

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn, dấu "," phân tách phần thập phân

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

**Thông kê số cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản được thẩm định, đánh giá
theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT (tháng.../06 tháng.../năm...)**

STT	Loại hình sản xuất kinh doanh	Tổng số cơ sở hiện có trên địa bàn tỉnh/thành phố	Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận ATTP (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Số lượt cơ sở được thẩm định (trong tháng ../2025)			Số lượt cơ sở không đạt được thẩm định lại (trong tháng ../2025)		
				Tổng số	Kết quả		Tổng số	Kết quả	
					Đạt	Không đạt		Đạt	Không đạt
1	Trồng trọt								
2	Chăn nuôi								
3	Nuôi trồng								
4	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);								
5	Cảng cá;								
6	Sản xuất nước đá								
7	Giết mổ								
8	Thu gom, sơ chế, chế biến								
9	Kho lạnh								
10	Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm NLTS								
11	Kinh doanh thực phẩm NLTS								
12	Khác								
	Tổng số								

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Thông tin các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý

STT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Địa chỉ/ Điện thoại	Mã số doanh nghiệp	Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Tên sản phẩm cụ thể	Công suất thiết kế (tấn sp/năm)	Tổng sản lượng (tấn/năm)	Tiêu thụ trong nước		Xuất khẩu (nếu có)		Kết quả thẩm định, xếp loại gần nhất đến thời điểm báo cáo (nếu có)		Đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP (đến thời điểm báo cáo)	Tên loại Giấy chứng nhận ISO/ HACCP/ VietGAP... đã được cấp còn hiệu lực
								Sản lượng (tấn/năm)	Giá trị (triệu đồng)	Sản lượng (tấn/năm)	Giá trị (USD)	Kết quả (Đạt/không đạt)	Ngày thẩm định (dd/mm/yyyy)		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Văn A		...	1	rau	...		...				Đạt	01/03/2025	x	VietGAP

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn, dấu "," phân tách phần thập phân
(4) ghi tắt loại hình cơ sở theo số thứ tự trong Bảng tên các loại hình SX,KD nông lâm thủy sản dưới đây
(12), (13): chỉ điền thông tin đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản triển khai theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT
(12) Đối với cơ sở được thẩm định để xếp loại theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT kết quả là A thì ghi A1, B thì ghi B1, C thì ghi C1; đối với cơ sở được thẩm định, đánh giá định kỳ, nếu kết quả xếp loại là A thì ghi A2, B thì ghi B2, C thì ghi C2; đối với cơ sở xếp loại C được thẩm định lại, nếu kết quả là A thì ghi là AL, B thì ghi là BL, C thì ghi là CL
(13) ghi đúng ngày theo định dạng Date với Type chọn "ngày/tháng/năm" và Location: Vietnamese; bôi vàng những doanh nghiệp được kiểm tra trong kỳ báo cáo tháng.../6 tháng .../năm ...
(14): Đã được cấp giấy chứng nhận đảm bảo ATTP thì đánh dấu "X"
(15): Tên loại giấy chứng nhận còn hiệu lực: ghi tên cụ thể như ISO 9001:2015, HACCP, GLOBALGAP...

BẢNG TÊN CÁC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN

STT	Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Gán số trên biểu số liệu
1	Trồng trọt	1
2	Chăn nuôi	2
3	Nuôi trồng	3
4	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	4

Ghi chú: đối với loại hình cơ sở khác: ghi tên cụ thể

STT	Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Gán số trên biểu số liệu
5	Cảng cá;	5
6	Sản xuất nước đá	6
7	Giết mổ	7
8	Thu gom, sơ chế, chế biến	8

STT	Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Gán số trên biểu số liệu
9	Kho lạnh	9
10	Chợ đầu mối, đầu giá TP NLTS	10
11	KD TP NLTS	11
12	Khác	12
13	Cơ sở chế biến muối, muối I ốt	13
14	Cơ sở kinh doanh muối, muối I ốt	14

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.

Biểu số 8

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Kết quả triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 (tháng.../06 tháng.../năm...)

STT	Loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh	Tổng số cơ sở thuộc đối tượng triển khai Thông tư số 17 (tính đến thời điểm báo cáo)	Số cơ sở đã ký cam kết (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			Số cơ sở đã ký cam kết (trong tháng .../6 tháng.../năm)			
			Tổng số	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ sở chưa đạt yêu cầu	Tổng số	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ sở chưa đạt yêu cầu	Lý do chưa đạt
1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật;								
2	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn;								
3	Cơ sở nuôi trồng thủy sản;								
4	Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;								
5	Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét;								
6	Cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ								
7	Cơ sở thu gom, sơ chế nông lâm thủy sản;								
8	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ;								
9	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản bao gói sẵn								

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Biểu số 9

Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng, ATTP, chế biến và PTTT nông lâm thủy sản

STT	Loại hình cụ thể	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch				Thanh tra, kiểm tra đột xuất			
		Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
1	SX-KD Thức ăn chăn nuôi, thủy sản								
2	SX-KD Thuốc bảo vệ thực vật								
3	SX-KD Thuốc thú y, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản								
4	SX-KD Phân bón								
5	SX-KD giống cây trồng								
6	SX-KD giống vật nuôi (bao gồm cả thủy sản)								
7	SX-KD nông sản								
8	SX-KD thủy sản								
9	Khác (bao gồm cả SX-KD hỗn hợp)								
	Tổng số								

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn, dấu "," phân tách phần thập phân

Đơn vị gửi báo cáo: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Biểu số 10

KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ NHUYỄN THẺ 2 MẢNH VỎ THÁNG.../06 THÁNG.../NĂM...

STT	Số/ngày cấp Giấy chứng nhận xuất xứ	Cơ sở thu hoạch	Số hiệu của phương tiện vận chuyển	Ngày thu hoạch	Loài NT2MV	Vùng thu hoạch	Khối lượng NT2MV (kg)	Tên, địa chỉ cơ sở tiếp nhận

Đơn vị gửi báo cáo: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Biểu số 11

TÌNH HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUỘC TỈNH/THÀNH PHỐ THÁNG.../06 THÁNG.../NĂM...

1. Tình hình (1):

Tên loài thủy sản	Hình thức nuôi	Tình hình nuôi trồng thủy sản			Tình hình dịch bệnh thủy sản	Thuốc thú y đang sử dụng	Dịch bệnh nông nghiệp và thuốc BVTV sử dụng	Thức ăn đang sử dụng
		Biến động diện tích nuôi	Biến động sản lượng nuôi	Giải thích				
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Tên vùng nuôi:, Mã số:								
2. Tên vùng nuôi:, Mã số:.....								

(11) Nhận xét khái quát:

2. Đề xuất kế hoạch lấy mẫu tháng/06 tháng.../năm... kế tiếp (...../.....) (nếu có) (12):

Vùng nuôi/ Mã vùng nuôi	Loại mẫu thủy sản	Số mẫu theo kế hoạch	Số mẫu dự kiến sẽ lấy	Chỉ tiêu thay đổi	Lý do

Ghi chú:

- (1) Thông tin phục vụ việc điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu tháng kế tiếp, tập trung vào các thông tin, số liệu thực tế của tháng hiện tại (Lưu ý: các thông tin, số liệu có thay đổi lớn trong tháng hiện tại có khả năng ảnh hưởng đến kế hoạch lấy mẫu đã xây dựng từ đầu năm).
- (2) Tên loài thủy sản đang được kiểm soát trong Chương trình giám sát dư lượng.
- (3) Báo cáo theo 2 hình thức nuôi áp dụng trong Chương trình giám sát dư lượng: Có cho ăn, trị bệnh (CCẤTB) và Không cho ăn, trị bệnh (KCẤTB).
- (4) Diện tích thực tế và biến động (tăng hoặc giảm) về diện tích nuôi thực tế trong tháng hiện tại so với kế hoạch lập cho tháng hiện tại (tính theo %), ví dụ: 310 ha (tăng 10%) so với kế hoạch. Trường hợp không có biến động ghi “không thay đổi”.
- (5) Sản lượng thực tế và biến động (tăng hoặc giảm) về sản lượng thực tế trong tháng hiện tại so với kế hoạch lập cho tháng hiện tại (tính theo %), ví dụ: 1.100 tấn (tăng 10%) so với kế hoạch. Trường hợp không có biến động ghi “không thay đổi”.
- (6) Lý do biến động tại cột (4) và (5).
- (7) Nêu rõ tình hình dịch bệnh trên diện rộng đã, đang xảy ra ở vùng nuôi của tháng hiện tại: ghi tên bệnh và diện tích bị thiệt hại trong tháng hiện tại để làm cơ sở xác định chỉ tiêu kiểm nghiệm, ví dụ: đốm trắng (thiệt hại 50 ha).
- (8) Nêu tên thương mại và hoạt chất chính của các loại thuốc thú y, hóa chất đã, đang sử dụng (tập trung vào các sản phẩm có thành phần là hóa chất, kháng sinh cấm, hạn chế sử dụng và không có trong Danh mục được phép lưu hành,...) để làm cơ sở chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp với tình hình trị bệnh, không liệt kê mang tính đại trà, ví dụ: Aqua-Qui (Ciprofloxacin).
- (9) Nêu rõ những dịch bệnh nông nghiệp đã và đang xảy ra trên diện rộng có tính chất nghiêm trọng và các loại thuốc bảo vệ thực vật đã, đang sử dụng nhiều để quyết định tăng cường lấy mẫu kiểm nghiệm cả chỉ tiêu thuốc trừ sâu.
- (10) Liệt kê những loại thức ăn đang sử dụng (đặc biệt là các loại thức ăn mới xuất hiện trong vùng nuôi hoặc không rõ nguồn gốc).
- (11) Nhận xét khái quát tình hình nuôi trồng thủy sản trong tháng, ngoài ra lưu ý những nguồn xả thải đã và đang xuất hiện xung quanh vùng nuôi có khả năng ảnh hưởng đến vùng nuôi (nếu có).
- (12) Từ những thông tin tại Mục 1, đề xuất những thay đổi (số mẫu, chỉ tiêu,...), nếu có, so với kế hoạch lấy mẫu của tháng tiếp theo để phù hợp với tình hình nuôi thực tế bao gồm cả các trường hợp cần lấy mẫu giám sát tăng cường (bổ sung, giảm trừ nếu cần).

Đơn vị gửi báo cáo: UBND các huyện/thị xã/ thành phố

Biểu số 12

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về quản lý chất lượng, ATTP, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản cho cán bộ địa phương (tháng.../06 tháng.../năm)

TT	Nội dung	Số lớp	Lượt người tham dự	Ghi chú
1	Nghiệp vụ...			
2	Nghiệp vụ...			
3	Nghiệp vụ...			
4	Khác (liệt kê tên cụ thể...)			
...	...			
...	Tổng số			

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn

Đơn vị gửi báo cáo: UBND các huyện/thị xã/ thành phố

Biểu số 13

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Số lượng nhân sự địa phương (tháng..../06 tháng.../năm...)

TT	Lĩnh vực	Số lượng nhân sự 6 tháng/năm hiện tại			Kế hoạch nhân sự 6 tháng/năm tiếp theo		
		Tổng cộng	Chia ra		Tổng cộng	Chia ra	
			Công chức	LĐHĐ		Công chức	LĐHĐ
1	Lãnh đạo đơn vị						
2	Cán bộ làm công tác chuyên môn (<i>chất lượng, ATTP, chế biến, PTTT, thanh tra, kiểm nghiệm</i>)						
3	Cán bộ làm công tác tổng hợp, văn phòng, tài chính, văn thư						
4	Khác (nêu rõ vị trí nếu có)						
	Tổng cộng						

Ghi chú: dùng dấu "." phân tách phần nghìn

Đơn vị gửi báo cáo: UBND các huyện/thị xã/ thành phố

Biểu số 14

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Kinh phí của địa phương cho công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp 06 tháng.../năm...

TT	Nội dung nhiệm vụ	Tổng số tiền (triệu đồng)	Đã thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

THÔNG TIN TÌNH HÌNH CHẾ BIẾN NÔNG LÂM THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN

[illegible]

2												
....												
D	Chế biến thủy sản											
1												
2												
....												

Ghi chú:

(5) Ghi rõ loại hình tạo ra sản phẩm trong quá trình chế biến.

(6) Quy mô doanh nghiệp xác định như sau: siêu nhỏ (lao động tham gia BHXH bình quân không quá 10 người/năm, tổng doanh thu không quá 3 tỷ/năm hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ; nhỏ (lao động tham gia BHXH bình quân không quá 100 người/năm, tổng doanh thu không quá 50 tỷ/năm hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ; vừa (lao động tham gia BHXH bình quân không quá 200 người/năm, tổng doanh thu không quá 200 tỷ/năm hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ); lớn (các trường hợp còn lại).

(7) Công suất thiết kế là khả năng tối đa có thể chế biến được/năm (tính tổng khối lượng sản phẩm đưa vào chế biến).

(8) Sản lượng thực tế chế biến trong 1 năm.

(9) Ghi tổng số lao động tham gia sản xuất tại cơ sở.

(10) ghi cụ thể tiêu chuẩn cơ sở đang áp dụng : ISO 9001:2015, HACCP, GLOBALGAP... (theo giấy chứng nhận đã cấp còn hiệu lực).

(11), (12) Ghi sản lượng thực tế tiêu thụ (đối với gỗ: m³/năm; trứng: 1.000 quả/năm; nông sản khác: tấn/năm).

Đơn vị gửi báo cáo: UBND huyện/thị xã/thành phố hoặc các đơn vị thuộc Sở.
Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

**Kết quả thực hiện duy trì, phát triển Hệ thống
 cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an
 toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tháng/202...**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

2. Kết quả duy trì, phát triển hệ thống

- Số lượt truy cập các tài khoản quản lý; tài khoản tạm dừng hoạt động, thay đổi thông tin các nhân của tài khoản;

- Số lượng tổ chức cá nhân đăng ký tham gia Hệ thống; duyệt đăng các công việc được gửi từ cấp tỉnh/cấp huyện và doanh nghiệp; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm ATTP;

- Số cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thực hiện đầy đủ thông tin về pháp lý, các thông tin dữ liệu liên quan khác để biên tập và đưa dữ liệu của Cơ sở lên Hệ thống.

- Số cơ sở (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cơ sở nhỏ lẻ...) thuộc phạm vi quản lý biên tập và đưa dữ liệu lên Hệ thống;

3. Cung cấp thông tin, danh sách cán bộ theo dõi, quản lý Hệ thống.

4. Các công tác khác:

.....

5. Đánh giá

- Ưu điểm:.....

- Tồn tại, hạn chế:

II. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM THÁNG TIẾP THEO

.....

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

